TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẬP THẠCH** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05/02/2024
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH – TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Kim Khuyên

2. Ông Nguyễn Trung Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Khương Thị Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà*:* Ông Ngô Trường Út- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2023/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2023 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Phi H, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Thôn Q, xã T, huyện L, tỉnh V (có mặt)

2. Bị đơn: Chị Vi Thị B, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Nơi cư trú: Thôn Q, xã T, huyện L, tỉnh V, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 21/8/2023 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là anh Trần Phi H trình bày: anh và chị Vi Thị B kết hôn vào ngày 01/03/2011, có tìm hiểu, có tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Lập Thạch. Kết hôn xong chị B về chung sống cùng gia đình anh. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 6 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không chăm sóc lẫn nhau và vợ chồng anh ly

thân nhau từ tháng 6 năm 2022 cho đến nay. Nay anh xác định vợ chồng không còn tình cảm, anh xin được ly hôn chị B.

Con chung: vợ chồng anh có 01 con chung là Trần Anh D, sinh ngày 16/10/2012 (cháu D đang ở cùng với anh). Ly hôn, anh xin trực tiếp nuôi cháu D, không yêu cầu chị B phải đóng góp nuôi con chung cùng.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là chị Vi Thị B quá trình giải quyết vụ án luôn vắng mặt, không có mặt để trình bày quan điểm và tham gia hòa giải tại Tòa án. Qua xác minh tại địa phương và gia đình chị B là bà Sầm Thị T (bà T là mẹ đẻ của chị B) cho biết: Hiện tại chị B đi làm ăn, bà không biết địa chỉ chính xác nơi chị B làm việc, các lần Tòa án gửi thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải gia đình bà đều nhận được và đã thông báo lại cho chị B, nhưng chị B cho biết chị bận đi làm ăn nên không đến Tòa án làm việc và chị đồng ý ly hôn anh H; về con chung: như anh H trình bày là đúng; về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: bà T không nắm được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu quan điểm về việc tuân thủ các quy định tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của anh H trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Chị Vi Thị B là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận cho anh H được ly hôn chị B. Về con chung: giao cho anh H nuôi cháu Trần Anh D, sinh ngày 16/10/2012. Chị B không phải đóng góp nuôi con chung cùng anh H; tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: không xem xét. Về án phí: Anh H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của anh Trần Phi H và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án Hôn nhân và gia đình là *"Ly hôn, tranh chấp về*

nuôi con". Bị đơn trong vụ án là chị Vi Thị B có địa chỉ cư trú tại xã T, huyện L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn là chị Vi Thị B nhưng chị Vi Thị B không đến Tòa để làm việc. Tòa án đã tiến hành thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng đến gia đình của chị Vi Thị B nhưng chị Vi Thị B vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[1] Quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Trần Phi H và chị Vi Thị B là cuộc hôn nhân tiến bộ, hợp pháp, được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc và đến tháng 6 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân nhau cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, không quan tâm, chăm sóc nhau và không bảo ban được nhau nên làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Anh H xác định vợ chồng không còn tình cảm nên xin được ly hôn chị B.

Xét tình cảm vợ chồng giữa anh H và chị B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng ly thân nhau từ tháng 6/2022 cho đến nay. Chị Vi Thị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến để giải quyết việc anh H xin ly hôn nhưng chị B cố tình vắng mặt, không có lý do. Như vậy phần nào thể hiện chị B không có nguyện vọng và biện pháp hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Do vậy đề nghị xin ly hôn của anh H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[2] Về con chung:

Hội đồng xét xử thấy rằng: Về quyền và nghĩa vụ nuôi con chung của các bên là như nhau. Tuy nhiên, chị B không đến Tòa án để làm việc, để thể hiện quan điểm của chị về con chung cũng như chứng minh điều kiện nuôi con của chị nên việc giao con cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng không đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên. Do vậy, cần giao cho anh H trực tiếp nuôi con chung là cháu Trần Anh D, sinh ngày 16/10/2012 (cháu D đang ở cùng anh H), anh H không yêu cầu chị B đóng góp nuôi con chung cùng là hoàn toàn tự nguyện cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Chị B không có mặt nên không có

quan điểm và đề nghị của chị về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, khi nào chị B đề nghị sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: anh H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Về Hôn nhân: Xử cho anh Trần Phi H được ly hôn chị Vi Thị B.

[2] Về con chung: Giao cho anh Trần Phi H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Trần Anh D, sinh ngày 16/10/2012. Chị Vi Thị B không phải đóng góp nuôi con chung cùng anh H.

Sau khi ly hôn, chị B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định, không ai được cản trở.

[3] Án phí: Anh Trần Phi H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: 0000045 ngày 26/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Thạch.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Lập Thạch;*
- *Chi cục THADS Lập Thạch;*
- *UBND xã T;*
- *Đương sự;*
- *Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Nga